

CHÍNH PHỦ
Số: 99/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Theo đề nghị của Tổng Thanh tra, sau khi thống nhất với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

Điều 2. Vai trò của Ban Thanh tra nhân dân

Ban Thanh tra nhân dân được thành lập ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước để giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, góp phần phát huy dân chủ, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Thành viên Ban Thanh tra nhân dân phải là người trung thực, công tâm, có uy tín, có hiểu biết nhất định về chính sách, pháp luật, tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân.

Thành viên Ban Thanh tra nhân dân trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước phải là người làm việc thường xuyên tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và không phải là người đứng đầu cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước.

Thành viên Ban Thanh tra nhân dân tại xã, phường, thị trấn phải là người thường trú tại xã, phường, thị trấn và không phải là người đương nhiệm trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và không phải là Trưởng thôn, Phó thôn, Tổ trưởng, Tổ phó Tổ dân phố và những người đang đảm nhận nhiệm vụ tương đương.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

Ban Thanh tra nhân dân hoạt động theo nguyên tắc khách quan, công khai, dân chủ và kịp thời; làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số.

Điều 5. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm mọi hành vi đe dọa, trả thù, trù dập đối với thành viên Ban Thanh tra nhân dân.
2. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân để kích động, dụ dỗ, lôi kéo người khác khiêu khích, tố cáo sai sự thật và thực hiện các hành vi trái pháp luật.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

MỤC 1

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA

BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 6. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân

1. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Điều 60 của Luật Thanh tra.

Ban Thanh tra nhân dân có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân. Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ. Các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn là hai năm.

2. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn do Hội nghị nhân dân hoặc Hội nghị đại biểu nhân dân tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố bầu ra.

Hội nghị nhân dân là Hội nghị cử tri; Hội nghị đại biểu nhân dân là Hội nghị cử tri đại diện cho hộ gia đình.

Điều 7. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn có từ 5 đến 11 thành viên. Đối với những xã, phường, thị trấn ở đồng bằng có số dân dưới 5 nghìn người thì được bầu 5 hoặc 7 thành viên; từ 5 nghìn người đến dưới 9 nghìn người thì được bầu 7 hoặc 9 thành viên; từ 9 nghìn người trở lên thì được bầu 9 hoặc 11 thành viên.

Đối với những xã, phường, thị trấn ở miền núi, trung du và hải đảo, mỗi thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu 1 thành viên, nhưng số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân không quá 11 người.

Căn cứ vào địa bàn số lượng dân cư, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn quyết định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn.

Điều 8. Bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân

1. Căn cứ vào số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn xác định số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân mà thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố được bầu.

2. Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tổ chức Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình ở thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố để bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân.

3. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu theo sự giới thiệu của Ban công tác Mặt trận và theo đề cử của đại biểu tham dự hội nghị. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do Hội nghị quyết định.

4. Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình được tiến hành khi có trên 50% số đại biểu được triệu tập có mặt. Người được bầu phải có trên 50% số đại biểu tham dự hội nghị tín nhiệm.

Trưởng ban công tác Mặt trận có trách nhiệm báo cáo kết quả bầu cử với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, phường, thị trấn.

Điều 9. Công nhận Ban Thanh tra nhân dân

Chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày bầu xong thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn tổ chức cuộc họp với các thành viên Ban Thanh tra nhân dân để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban, trình hội nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp ra Nghị quyết công nhận Ban Thanh tra nhân dân và thông báo cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban dân dân cùng cấp trong phiên họp gần nhất và thông báo cho nhân dân địa phương biết.

Điều 10. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Thanh tra nhân dân và bầu thành viên thay thế

1. Trong nhiệm kỳ, thành viên Ban Thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật hoặc không còn được nhân dân tín nhiệm thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn đề nghị Hội nghị cử tri hoặc Hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình đã bầu ra thành viên đó bãi nhiệm và bầu người khác thay thế.

2. Trong trường hợp vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc lý do khác, thành viên Ban Thanh tra nhân dân có đơn xin thôi tham gia Ban Thanh tra nhân dân thì Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn trình Hội nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xem xét, quyết định việc miễn nhiệm.

3. Việc bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân thay thế những người bị bãi nhiệm hoặc được miễn nhiệm quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân

1. Giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm ở xã, phường, thị trấn trong việc thực hiện chính sách, pháp luật; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì kiến nghị người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.
2. Khi cần thiết được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn giao xác minh những vụ việc nhất định.
3. Khi cần thiết, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mời đại diện Ban Thanh tra nhân dân tham gia việc thanh tra, kiểm tra tại xã, phường, thị trấn; Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu cử người tham gia khi được yêu cầu.
4. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn khắc phục sơ hở, thiếu sót được phát hiện qua việc giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; biểu dương khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác, xử lý vi phạm theo thẩm quyền.
5. Kiến nghị với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn tổ chức các hình thức động viên nhân dân phát hiện các sai phạm; tiếp nhận các kiến nghị và phản ánh của nhân dân.
6. Được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn mà nội dung liên quan đến nhiệm vụ giám sát, xác minh của Ban Thanh tra nhân dân.
7. Tham dự các cuộc họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn mà nội dung có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.
8. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do pháp luật quy định.

MỤC 2

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN